

THỰC TRẠNG HỌC TẬP VÀ XU HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đại học Bách khoa Hà Nội

Email: thuy.nguyenthithanh@hust.edu.vn

Article history

Received: 04/02/2025

Accepted: 12/3/2025

Published: 20/4/2025

Keywords

Current situation, ethnic minority students, high school, career trends, digital transformation

ABSTRACT

Digital transformation has introduced new trends in labor market demands, with a strong focus on technology-related fields. However, adapting to these emerging career trends remains a challenge for the workforce in Vietnam, especially in ethnic minority areas. Using desk research, a survey of 698 students and 169 teachers and school administrators, as well as in-depth interviews with 8 students from ethnic boarding high schools across 8 provinces, this study highlights the difficulties ethnic minority high school students face in their education, academic orientation, and career choices. These challenges include inadequate infrastructure, limited family awareness, and students' lower academic performance. Notably, their career choices are primarily centered on traditional fields, influenced by their living environment and family occupational habits. Therefore, to help these students select careers that align with the new career trends, it is crucial for all stakeholders to collaborate in raising awareness about the importance of education and vocational training in technology-related fields.

1. Mở đầu

Vấn đề lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với HS sau tốt nghiệp THPT ngày càng trở nên quan trọng và nhận được sự quan tâm đông đảo của toàn xã hội (Makola et al., 2021; Huỳnh Văn Sơn, 2011; Wong & Yuen, 2019). Ở Việt Nam, vấn đề này đã được quan tâm nhiều trong những năm gần đây, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019). Với đặc điểm tự nhiên, vùng dân tộc thiểu số và miền núi của nước ta chiếm khoảng 3/4 diện tích của cả nước, là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, KT-XH và an ninh quốc phòng; tuy nhiên, đây lại là vùng trũng nhất của cả nước với tỉ lệ hộ nghèo cao; trình độ dân trí thấp; tỉ lệ đi học các cấp đều thấp hơn nhiều so với mức chung của cả nước và khoảng cách tỉ lệ này càng xa ở cấp THPT; nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế... (Nguyễn Thị Lan, 2020; Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019). Mặc dù, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ giáo dục đối với HS dân tộc thiểu số nhằm nâng cao chất lượng học tập và tạo điều kiện thuận lợi cho định hướng nghề nghiệp tương lai góp phần xây dựng phát triển KT-XH địa phương bền vững, nhưng việc tiếp cận giáo dục và hướng nghiệp ở khu vực này vẫn còn nhiều tồn tại lớn cần tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục để tìm hướng đi cho tương lai bền vững của HS (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019).

Chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi sâu sắc thị trường lao động, những tiến bộ trong công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và Internet vạn vật (IoT) đang mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với lực lượng lao động tương lai, đặc biệt là HS THPT dân tộc thiểu số (Nguyễn Ngọc Ánh và Nguyễn Kiều Lan Thương, 2018). Một trong những tác động quan trọng là sự thay đổi về nhu cầu việc làm, các ngành nghề truyền thống dần bị thu hẹp, trong khi những ngành liên quan đến công nghệ thông tin, thương mại điện tử, dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo ngày càng phát triển mạnh mẽ (Roy et al., 2022). Tuy nhiên, HS THPT dân tộc thiểu số, do hạn chế về điều kiện tiếp cận công nghệ, kĩ năng số và ngoại ngữ, có nguy cơ bị tụt hậu nếu không được trang bị kiến thức và kĩ năng phù hợp (Trần Trung và cộng sự, 2020). Do vậy, tìm hiểu thực trạng học tập, định hướng học tập và xu hướng nghề nghiệp của HS THPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh chuyển đổi số là quan trọng giúp những nhà quản lí và hoạch định chính sách, các cơ sở giáo dục đại học, những chuyên gia hướng nghiệp, HS và cả gia đình HS có điều chỉnh cần thiết trong việc lựa chọn nghề nghiệp góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thiết thực phù hợp cho sự phát triển của các vùng dân tộc thiểu số này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mô tả khảo sát

Mục tiêu khảo sát: Khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng học tập, định hướng học tập và xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT người dân tộc thiểu số.

Nội dung khảo sát: (1) Thực trạng học tập và định hướng học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số; (2) Thực trạng xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT người dân tộc thiểu số.

Phương pháp khảo sát: (1) Phương pháp nghiên cứu tại bàn: nghiên cứu số liệu thứ cấp về thực trạng học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số; (2) Phương pháp sử dụng phiếu hỏi; (3) Phương pháp phỏng vấn sâu nhằm điều tra, khảo sát thực trạng học tập, định hướng học tập và xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT người dân tộc thiểu số trong thời gian vừa qua.

Đối tượng khảo sát: (1) Sử dụng phiếu hỏi điều tra khảo sát: 698 HS THPT dân tộc thiểu số và 169 GV và CBQL các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTT); (2) Phỏng vấn sâu 08 HS các trường PTDNTT.

Địa điểm khảo sát: Khảo sát tại 08 tỉnh, thành phố gồm Điện Biên, Hà Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Đắk Lắk, Gia Lai, Trà Vinh, Sóc Trăng.

Thời gian khảo sát: từ tháng 7 đến tháng 10/2024.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng học tập của học sinh trung học phổ thông người dân tộc thiểu số

- **Tỉ lệ đi học chung và đúng độ tuổi của HS THPT người dân tộc thiểu số**

Số liệu điều tra cho thấy, tỉ lệ đi học chung và đúng độ tuổi của HS THPT dân tộc thiểu số trong những năm gần đây đã có những bước phát triển, tuy nhiên vẫn còn có sự chênh lệch về giới và các vùng KT-XH.

Bảng 1. Tỉ lệ đi học chung và đúng độ tuổi của HS THPT người dân tộc thiểu số

Khu vực	Tỉ lệ đi học chung (%)	Tỉ lệ đi học đúng tuổi (%)		
		Chung	Nam	Nữ
Cả nước	72,3	68,3		
Chung 53 dân tộc thiểu số	50,7	47,0	43,4	50,9
Thành thị	71,1	66,9	61,3	72,0
Nông thôn	47	43,4	40,4	46,7
Trung du và miền núi phía Bắc	56,9	53,5	52	55,2
Đồng bằng sông Hồng	65,1	62,1	60,7	63,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	53,1	49,7	43,6	55,9
Tây Nguyên	33,3	29,2	21,2	37,2
Đông Nam Bộ	51,3	46,5	43,2	49,9
Đồng bằng sông Cửu Long	42,5	38,4	33,8	43,3

(Nguồn: Số liệu Điều tra thực trạng KT-XH 53 dân tộc thiểu số 2019)

Kết quả cho thấy tỉ lệ đi học chung và đúng độ tuổi cấp THPT của HS dân tộc thiểu số thấp hơn so với cả nước; tuy nhiên một số dân tộc có tỉ lệ HS đi học đúng tuổi ở cấp này cao hơn mức bình quân chung của 53 dân tộc thiểu số như: dân tộc Tày, Hoa, Mường, Nùng, Ngái, Sán Dìu, Si La, Bô Y. Song vẫn còn nhiều dân tộc thiểu số có tỉ lệ HS đi học đúng tuổi cấp THPT thấp (dưới 30%), như: Mông, Ba Na, Gia Rai, Mnông, Raglay, Xtiêng... Do vậy, để hướng tới mục tiêu của Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, cần chú trọng và có những chính sách trực tiếp tác động đến công tác giáo dục THPT cho HS dân tộc thiểu số (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019).

- **Tỉ lệ người dân tộc thiểu số có trình độ THPT**

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỉ lệ người dân tộc thiểu số có trình độ từ THPT trở lên (THPT, sơ cấp, trung cấp và cao đẳng trở lên) chiếm khoảng 20,2% tổng số người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên, thấp hơn tỉ lệ này của toàn quốc 16,3 điểm phần trăm. Giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn có sự chênh lệch về trình độ học vấn cao nhất của người dân tộc thiểu số. Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ học vấn tốt nghiệp từ THPT trở lên ở khu vực thành thị cao hơn khoảng 2 lần so với khu vực nông thôn, tỉ lệ này lần lượt là 38,7% so với 17,1%. Trong đó, tỉ lệ HS dân tộc thiểu số tốt nghiệp THPT khu vực thành thị cao hơn khoảng 7,6 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn (lần lượt là 17,6% so với 10%) (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019).

- Điều kiện học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số (%)

Theo kết quả điều tra, giáo dục phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số trên cả nước có khoảng 280 trường nội trú và 357 trường bán trú với tỉ lệ trường kiên cố đạt hơn 93%, trong đó có 15 trường PTDTNT tại khu vực các xã vùng biên giới với tỉ lệ trường học và phòng kiên cố đạt 100%; cho thấy sự quan tâm của Nhà nước tới giáo dục tại các vùng biên giới (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019).

Tuy nhiên, khi khảo sát đội ngũ CBQL và GV các trường PTDTNT trên địa bàn 08 tỉnh cho thấy vẫn còn tồn tại một số khía cạnh trong học tập và tiếp cận cơ hội học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số:

Bảng 2. Khó khăn trong học tập và tiếp cận giáo dục của HS THPT người dân tộc thiểu số (%)

Nội dung	Không khó khăn	Khó khăn ít	Khó khăn nhiều
Các chính sách hỗ trợ phát triển trường PTDTNT	21,3	56,4	22,3
Cơ sở vật chất phù hợp phục vụ dạy và học	7,4	61,7	30,9
Số lượng GV	47,9	37,2	14,9
Chất lượng GV	40,4	51,1	8,5
Vấn đề văn hóa dân tộc và ngôn ngữ của HS dân tộc thiểu số	21,3	69,1	9,6
Trình độ, năng lực của HS là người dân tộc thiểu số	6,4	52,1	41,5
Điều kiện kinh tế của gia đình HS	5,3	42,6	52,1
Nhận thức của cộng đồng, cha mẹ HS trong hỗ trợ con cái học tập	4,3	42,6	53,2

(Nguồn: Khảo sát các trường PTDTNT, 2024)

Như vậy, khó khăn nhiều hơn cả đến học tập và tiếp cận cơ hội học tập của HS THPT dân tộc thiểu số chủ yếu đến từ: (1) Nhận thức của cộng đồng, cha mẹ HS trong hỗ trợ con cái học tập; (2) Điều kiện kinh tế của gia đình HS; (3) Trình độ, năng lực của HS là người dân tộc thiểu số; (4) Cơ sở vật chất phù hợp phục vụ dạy và học; (5) Các chính sách hỗ trợ phát triển trường PTDTNT.

2.2.2. Thực trạng định hướng học tập của học sinh trung học phổ thông người dân tộc thiểu số

Khi hỏi về định hướng học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số, kết quả cho thấy trên 2/3 HS nói rằng họ sẽ tiếp tục học lên trình độ cao hơn; dưới 5% sẽ đi làm và 21% số HS chưa xác định được định hướng cụ thể. Đối với nhóm HS có lựa chọn học tiếp, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn là chọn học đại học (86.2%), cao đẳng và trung cấp thấp hơn. Có một số lựa chọn sẽ học ở trình độ sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ) dao động trong khoảng từ 20-25%. Cụ thể:



Biểu đồ 1. Định hướng học tập lên trình độ cao hơn của HS THPT người dân tộc thiểu số (%)

(Nguồn: Khảo sát các PTDTNT, 2024)

Báo cáo các trường PTDTNT cấp tỉnh cho thấy, tỉ lệ vào đại học của các trường đều chiếm trên 80% số HS tốt nghiệp THPT hằng năm, đặc biệt ở các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nam Bộ. Do vậy, đây được xem là các trường có chất lượng tốt dành cho con em người dân tộc thiểu số ở các tỉnh, thành phố.

2.2.3. Xu thế lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông người dân tộc thiểu số

Kết quả khảo sát cho thấy, HS THPT người dân tộc thiểu số có xu hướng định hướng nghề nghiệp tập trung vào khu vực nhà nước, đặc biệt là các lĩnh vực về giáo dục, y tế, công an, quân đội. Đây được xem là những ngành nghề phù hợp với điều kiện và nhu cầu địa phương. Cụ thể, có khoảng gần 50% có xu hướng và định hướng làm việc trong khu vực nhà nước (46.8%), tỉ lệ trả lời làm tự do khoảng 20% và chưa xác định 15.3%. Số làm việc trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, xuất khẩu lao động chiếm tỉ lệ nhỏ. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với xu thế của các em HS người dân tộc thiểu số trong các trường khi tham vấn đều mong muốn làm việc trong khu vực công an, quân đội, GV, y tế và một số lĩnh vực văn hóa phù hợp với địa phương. Đối với các lĩnh vực doanh nghiệp vẫn chưa có nhiều HS quan tâm do thiếu thông tin cũng như định hướng từ các nhà trường vì hầu hết các HS đều đang sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nơi mà khu vực kinh tế chưa phát triển các loại hình doanh nghiệp tại địa phương.

Bảng 3. Mong muốn lựa chọn công việc trong tương lai của HS THPT người dân tộc thiểu số

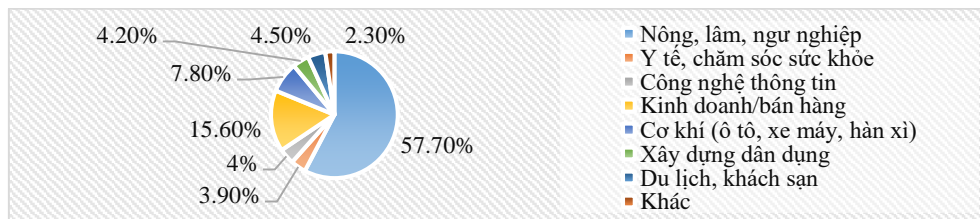
Mong muốn làm công việc gì trong tương lai	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Làm trong khu vực nhà nước	327	46.8
Làm tự do	138	19.8
Làm cho các công ty, doanh nghiệp trong nước	44	6.3
Làm trong các công ty, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	30	4.3
Xuất khẩu lao động	19	2.7
Chưa xác định	107	15.3
Khác	33	4.7
Tổng	698	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2024)

Khi được hỏi về các nhóm ngành cụ thể, kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ khá cao chọn nghề dạy học (35%), tiếp đến là “khác” (30.1%). Nghề khác ở đây hầu như là công an, quân đội (lực lượng vũ trang). Các ngành như tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin đều dưới 10%. Lựa chọn cao hơn một chút là các ngành nghề liên quan đến y tế, chăm sóc sức khỏe với khoảng 10.7%. Thấp nhất là ngành nông lâm, ngư nghiệp chỉ có 7.4%. Nhiều HS cho rằng không muốn theo học ngành này vì vất vả và ít cơ hội việc làm. Các HS vẫn mong muốn làm ngành nghề phi nông nghiệp nhiều hơn. Đây cũng là một vấn đề cần quan tâm liên quan đến định hướng nghề nghiệp gắn với phát triển các lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp tại các địa phương.

Như vậy, trong bối cảnh chuyển đổi số phát triển theo cấp số nhân, số lượng HS THPT dân tộc thiểu số lựa chọn chủ yếu vẫn là các công việc thuộc khu vực nhà nước và số lượng chọn ngành nghề về lĩnh vực công nghệ thông tin là không nhiều.

Trong số HS lựa chọn làm tự do, có khoảng 11.2% số HS lựa chọn khởi nghiệp tại quê hương. Lĩnh vực khởi nghiệp chủ yếu ở nông, lâm, ngư nghiệp và bán hàng/kinh doanh; sau đó đến cơ khí. Lĩnh vực công nghệ thông tin; du lịch & khách sạn; Y tế, chăm sóc sức khỏe và xây dựng dân dụng ít hơn:



Hình 2. Lĩnh vực khởi nghiệp mà HS THPT người dân tộc thiểu số mong muốn

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2024)

Như vậy, mặc dù số lượng HS THPT dân tộc thiểu số lựa chọn làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp không nhiều; nhưng lựa chọn khởi nghiệp về lĩnh vực này lại là chủ yếu. Đáng chú ý, hầu hết các HS này mong muốn khởi nghiệp với các đặc sản, đặc trưng văn hóa vùng miền và truyền thống gia đình: “Hiện tại gia đình em đang sản xuất bún, phở; trước sản xuất bún, phở tươi, giờ em muốn học lên cao sau này có công nghệ về để làm bún, phở khô; phát triển thương hiệu của gia đình và mong muốn đóng góp cho quê hương, nâng cao vị thế của đồng bào dân tộc mình trong xã hội. Em cũng có tìm hiểu học làm bún, phở khô: quy trình sản xuất, chưa tìm hiểu bài toán kinh doanh. Bún khô có thể giữ được mấy tháng và mang đi nhiều nơi khác, như Yên Bái, Văn Bàn... đưa ra tỉnh Lào Cai; động lực đưa thương hiệu ra ngoài tỉnh và tăng thu nhập cho đồng bào” (một nam HS THPT người Thái chia sẻ); và “Em muốn mở một nhà du lịch cộng đồng homestay với các trải nghiệm văn hoá dân tộc Mường ở khu lòng hồ gần nhà. Đa số các gia đình ở khu thành phố như Hà Nội sẽ mong muốn có nơi thư giãn, trút bỏ gánh nặng cuộc sống của mình, muốn tận hưởng không khí mát mẻ vùng núi sông, nghỉ ngơi, thư giãn và muốn có không gian riêng. Em đã được trải nghiệm một số mô hình homestay ở Lào Cai và Sơn La và khi nào đủ tiền em sẽ mở nhà nghỉ homestay mình mong ước” (một nữ HS THPT người Mường cho biết).

Về nơi làm việc mong muốn: Kết quả khảo sát cho thấy khá nhiều HS lựa chọn mong muốn làm việc tại huyện, xã nơi sinh ra và tại tỉnh của mình (48.5%); một số khác mong muốn làm ở các thành phố lớn trong nước (21.3%), các tỉnh bất kì (16.4%). Có 6.1% HS mong muốn làm việc ở nước ngoài và 6.8% không biết.

Lí giải cho kết quả này, một nam HS THPT dân tộc thiểu số người Mông chia sẻ: “Sau khi tốt nghiệp THPT em sẽ đi học lên cao, làm việc và trải nghiệm một thời gian ở các thành phố lớn trên cả nước; sau đó sẽ mang những

kinh nghiệm học tập về quê hương để phát triển du lịch gắn với tâm linh/sinh thái, kết hợp phát triển đặc sản của địa phương như dệt Thổ cẩm, Chạm Bạc... để nâng cao giá trị của dân tộc mình. HS dân tộc thiểu số chúng em thường gặp khó khăn hơn trong khả năng giao tiếp tự tin và tiếp cận cơ hội học tập so với các bạn HS người Kinh, chúng em thường có cảm giác bị kì thị khi ra cộng đồng lớn xung quanh: kì thị về lối sống, kì thị về cách ăn mặc, kì thị phân biệt vùng miền, kì thị trong ngôn ngữ giao tiếp... nên nhiều bạn của em có xu hướng muốn sống và làm việc tại quê hương để cảm thấy được thoải mái và an toàn hơn. Còn em mong muốn được thể hiện bản thân mình với các bạn bè đồng trang lứa ở các thành phố lớn, cũng như học tập kinh nghiệm từ bạn bè, từ thầy cô, từ cộng đồng để em có kiến thức, có trải nghiệm nghề nghiệp sau đó sẽ quay về quê hương để phát triển mơ ước của mình”.

Với kết quả này cho thấy hai vấn đề quan tâm: *Thứ nhất*, nhiều HS người dân tộc thiểu số gắn bó với quê hương và muốn làm việc tại nơi mình sinh ra (trong phạm vi tỉnh) nên nếu có các chính sách phù hợp sẽ thu hút các em học tập ở trình độ cao hơn quay lại làm việc tại địa phương; *Thứ hai*, xu hướng một số HS người dân tộc thiểu số muốn làm việc ở nơi khác. Điều này vừa thách thức đối với việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại địa phương như nhiều tỉnh đang gặp khó khăn hiện nay, nhưng mặt tích cực là sự hội nhập, hòa nhập và phát triển của lực lượng lao động có trình độ người dân tộc thiểu số đóng góp cho các ngành, lĩnh vực, địa phương khác nhau trong và ngoài nước. Đây chính là lực lượng tiên phong, tạo cú huých cho sự thay đổi về nhận thức trong hội nhập với thị trường lao động và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn.

Chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến những thay đổi lớn trong thị trường lao động, với các ngành nghề mới hiện đại được mở ra liên quan đến công nghệ thông tin đang trở thành xu hướng nghề nghiệp chính. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy HS THPT dân tộc thiểu số vẫn có xu hướng lựa chọn các ngành nghề truyền thống, đặc biệt là trong khu vực nhà nước, do ảnh hưởng từ môi trường sống và thói quen nghề nghiệp của gia đình. Một số nhỏ các HS khác có tư tưởng mong muốn khởi nghiệp, tuy nhiên các ngành nghề khởi nghiệp này tập trung nhiều ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp là chủ yếu. Như vậy, để giúp các em thích ứng bền vững với xu hướng nghề nghiệp mới trong bối cảnh chuyển đổi số, cần có những giải pháp đồng bộ trong đó nâng cao nhận thức về vai trò của GD-ĐT; về ứng dụng công nghệ vào các ngành nghề đặc trưng của vùng miền là việc làm quan trọng; góp phần giúp HS THPT người dân tộc thiểu số có cơ hội lựa chọn việc làm đáp ứng đúng và trúng với nhu cầu thị trường lao động trong tương lai.

2.2.4. Đánh giá chung

Trong thời gian vừa qua, tình hình học tập của HS THPT người dân tộc thiểu số đã có những bước tiến đáng kể về tỉ lệ đi học chung và tỉ lệ đi học đúng độ tuổi (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019); tuy nhiên vẫn có sự chênh lệch về giới (tỉ lệ nữ HS THPT người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi nhiều hơn so với HS nam) và các cùng KT-XH. Bên cạnh đó, tỉ lệ HS người dân tộc thiểu số tốt nghiệp từ THPT trở lên còn chưa cao (20,2%), thấp hơn so với tỉ lệ chung trên toàn quốc (36,5%). Trong bối cảnh chuyển đổi số, HS THPT người dân tộc thiểu số phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quá trình học tập, định hướng học tập và lựa chọn nghề nghiệp, như: (1) Nhận thức của cộng đồng, cha mẹ HS trong hỗ trợ con cái học tập; (2) Điều kiện kinh tế của gia đình HS; (3) Trình độ, năng lực của HS là người dân tộc thiểu số; (4) Cơ sở vật chất phù hợp phục vụ dạy và học; (5) Các chính sách hỗ trợ phát triển trường PTDTNT. Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ nhằm cải thiện chất lượng giáo dục và định hướng nghề nghiệp cho HS THPT người dân tộc thiểu số; nhưng sự khác biệt về văn hóa và hạn chế trong tiếp cận những biến đổi nhanh chóng của công nghệ đặt ra những thách thức không nhỏ đối với việc đảm bảo chất lượng giáo dục và hướng đi cho tương lai của HS THPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh chuyển đổi số.

Về xu hướng nghề nghiệp, phần lớn HS THPT người dân tộc thiểu số có xu hướng lựa chọn các công việc trong khu vực nhà nước như giáo dục, y tế, công an, quân đội, trong khi ít quan tâm đến các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực công nghệ. Một số HS mong muốn khởi nghiệp, nhưng phần lớn vẫn tập trung vào các ngành nghề truyền thống và đặc trưng của địa phương. Điều này cho thấy, một mặt đây là xu hướng tích cực khi các HS này có nguyện vọng gắn bó làm việc cống hiến cho địa phương; mặt khác, để giúp các HS này thích ứng tốt hơn với xu hướng phát triển của bối cảnh chuyển đổi số, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng chung tay nâng cao nhận thức, cải thiện điều kiện học tập và tạo cơ hội nghề nghiệp phù hợp và bền vững cho các đối tượng HS này.

3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó các dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ đáng kể và phân bố rộng khắp các vùng miền. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ giáo dục đối với HS THPT người dân tộc thiểu số nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và tạo

điều kiện thuận lợi cho định hướng nghề nghiệp trong tương lai (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019; Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019). Thực trạng cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được thì HS THPT người dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong học tập, định hướng học tập và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ.

Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT người dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung ở khu vực nhà nước và các ngành nghề truyền thống, trong khi các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ cao được cho là xu hướng trong thời gian tới. Do vậy, để đáp ứng xu hướng nghề nghiệp mới, việc chung tay góp sức từ các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cung cấp thông tin hướng nghiệp phù hợp, khuyến khích thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao vào các ngành nghề nghiệp đặc trưng của địa phương là việc làm cần thiết. Điều này giúp HS vùng dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn với cơ hội nghề nghiệp trong thời đại số, góp phần xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thúc đẩy phát triển KT-XH bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Văn Sơn (2011). Xu hướng chọn nghề nghiệp của học sinh cuối cấp trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông tỉnh Bình Dương hiện nay. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 31, 125-131.
- Makola, Z. S., Saliwe, P., Dube, I., Tabane, R., & Mudau, A. V. (2021). High school learners views on benefits derived from attending career talks: Need for sound career guidance. *The Journal for Transdisciplinary Research in Southern Africa*, 17(1), 1-8. <https://doi.org/10.4102/td.v17i1.1082>
- Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Kiều Lan Thương (2018). Giáo dục Việt Nam: Thực trạng, cơ hội và thách thức. *Tạp chí Giáo dục lí luận*, 279, 54-60.
- Nguyễn Thị Bích Thủy (2019). Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 8(4), 9-17.
- Nguyễn Thị Lan (2020). Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 9(4), 7-12.
- Roy, S., Salve, A. R., Shah, J. A., Kadam, S., Muda, I., & Dash, M. (2022). Artificial Intelligence Based Rural E-Commerce Boosting Using Big Data. *2022 5th International Conference on Contemporary Computing and Informatics (IC3I)*, 2087-2093. <https://doi.org/10.1109/IC3I56241.2022.10073248>
- Trần Trung, Phạm Đức Bình, Nghiêm Thị Thanh, Lê Phương Thúy (2020). Các công nghệ nền tảng của Cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động đến phát triển nhân lực dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 30, 22-28.
- Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2019). *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. NXB Thống kê.
- Wong, L. P. W., & Yuen, M. (2019). Career Guidance and Counseling in Secondary Schools in Hong Kong: A Historical Overview. *Journal of Asia Pacific Counseling*, 9(1), 1-19. <https://doi.org/10.18401/2019.9.1.1>